

SỰ PHỐI HỢP GIỮA CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN

● LÊ THỊ VĂN ANH

TÓM TẮT:

Chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa là hai bộ phận trọng yếu trong hệ thống chính sách vĩ mô. Để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng, phát triển ổn định và bền vững, cần thiết phải có sự kết hợp nhịp nhàng và đồng bộ giữa hai chính sách nêu trên. Bài viết nêu lên sự cần thiết phải phối kết hợp giữa hai chính sách tiền tệ và tài khóa; quá trình phối kết hợp hai chính sách trong thực tiễn nền kinh tế Việt Nam qua các giai đoạn và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao sự phối kết hợp của hai chính sách nhằm đạt được mục tiêu điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Từ khóa: Kiểm soát tài chính, chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa, kinh tế vĩ mô.

1. Sự cần thiết phối kết hợp chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa

Chính sách tài khóa (CSTK) là chính sách thu chi của Chính phủ hay còn gọi là chính sách ngân sách. Còn chính sách tiền tệ (CSTT) là việc thực hiện tổng thể các biện pháp, sử dụng các công cụ của Ngân hàng Nhà nước nhằm góp phần đạt được các mục tiêu của chính sách kinh tế vĩ mô thông qua việc chi phối dòng chu chuyển tiền và khối lượng tiền.

Trong ngắn hạn, CSTK có tác động qua lại, ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp tới các yếu tố thuộc cơ chế truyền dẫn CSTT. CSTK tác động trực tiếp và gián tiếp lên tổng cầu của nền kinh tế thông qua các quyết định thu chi hoặc thông qua sự tác động lên lãi suất. Điều đó có xu hướng ảnh hưởng đến tiền lương và giá cả, qua đó tác động lên lạm phát và kỳ vọng lạm phát. Về mặt lý thuyết thì thấy được những ảnh hưởng của CSTK lên các kênh truyền dẫn của chính sách tiền tệ, nhưng trên thực tế rất khó để cụ thể hóa (lượng hóa) rõ ràng ảnh hưởng của CSTK đến CSTT trong ngắn hạn.

Trong dài hạn, CSTK có thể ảnh hưởng đến sự

ổn định lâu dài của CSTT và rất rõ nét, nếu một CSTK kém bền vững lâu dài sẽ tác động lên mục tiêu CSTT. Kỳ vọng thâm hụt ngân sách lớn và liên tục cộng với nhu cầu nợ lớn của Chính phủ có thể giảm lòng tin vào nền kinh tế và gây nên rủi ro đến sự ổn định của thị trường tài chính. Thiếu niềm tin vào sự bền vững tài chính của Chính phủ có thể trở thành yếu tố tiềm ẩn gây ra bất ổn cho các thị trường trái phiếu, ngoại hối và thậm chí làm sụp đổ cơ chế tiền tệ.

Ngoài ra, CSTK còn có ảnh hưởng đến dòng chu chuyển vốn quốc tế, qua đó làm ảnh hưởng đến khả năng kiểm soát luồng ngoại tệ ra vào đất nước của NHNN, gây rủi ro cho hệ thống tài chính: Chính sách thu và chi tài khóa xây dựng không hợp lý có thể sẽ có tác động tiêu cực đối với quá trình phân bổ nguồn lực, điều này sẽ làm tăng rủi ro liên quan đến dòng vốn quốc tế.

Bên cạnh đó, CSTT cũng có ảnh hưởng nhất định đến CSTK: Chính sách tiền tệ với mục tiêu chính yếu mang tính trung hạn là ổn định giá cả, giá trị đồng tiền và hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế thông qua việc kiểm soát lãi suất và cung tiền. Một

chính sách tiền tệ thắt chặt sẽ làm giảm nhu cầu đầu tư, thu hẹp sản xuất có thể dẫn đến giảm nguồn thu của ngân sách Chính phủ; Sự tăng/giảm lãi suất từ CSTT làm ảnh hưởng đến giá trái phiếu Chính phủ sẽ làm giảm/tăng giá trái phiếu, điều đó cũng ảnh hưởng đến cân đối ngân sách; Sự gia tăng tỷ giá (đồng bản tệ giảm) sẽ làm gia tăng khoản nợ Chính phủ bằng đồng ngoại tệ qui đổi.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng CSTT và CSTK có sự phụ thuộc lẫn nhau, thay đổi của một chính sách sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách kia. Hơn nữa, trong thực tế, hai chính sách này lại do hai cơ quan khác nhau điều hành cho nên, vấn đề đặt ra để đảm bảo sự tương tác hiệu quả giữa hai chính sách hướng tới sự phát triển bền vững của nền kinh tế thì cần có sự phối hợp trong điều hành CSTT và CSTK giữa Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, trong thực tế, nền kinh tế vẫn chưa có sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả và đồng bộ giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước trong thực thi CSTK và CSTT. Việc điều hành CSTT được giao cho Ngân hàng Nhà nước đảm nhiệm còn CSTK giao cho Bộ Tài chính đảm nhận. Ở Việt Nam trong những thời điểm nhất định vẫn tồn tại những xung đột lợi ích giữa Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính, theo đó Ngân hàng Nhà nước ưu tiên thực mục tiêu CSTT còn Bộ Tài chính ưu tiên thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được duyệt. Mỗi cơ quan chỉ tập trung ưu tiên thực hiện các mục tiêu của CSTT hoặc CSTK được giao phó thì CSTK có thể gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của CSTT hoặc ngược lại. Mỗi chính sách theo đuổi những mục tiêu và giải pháp khác nhau sẽ dẫn tới sự xung đột ngoài quy luật thị trường.

Do đó, CSTK và CSTT nếu thiếu đi sự phối hợp nhịp nhàng trong quá trình thực thi chính sách sẽ gây ra những tác động đối kháng lẫn nhau, phá vỡ quy luật của thị trường, làm ảnh hưởng xấu đến mục tiêu tăng trưởng bền vững của nền kinh tế. Phối hợp nhịp nhàng và đồng bộ giữa CSTK và CSTT cần được hiểu là phải đảm bảo giải quyết các tác động của hai chính sách tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn. Trong ngắn hạn, hai chính sách phải phối hợp nhằm đạt được các mục tiêu của từng chính sách một cách có trật tự, bao gồm cả ổn định giá. Trong dài hạn, hai chính sách phải phối hợp đảm bảo

được lợi ích cân bằng giữa mục tiêu của từng chính sách với mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững, kiềm chế lạm phát.

2. Phối hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong kiểm soát tài chính vĩ mô

Trong quá trình hội nhập kinh tế, các hoạt động kinh tế còn được thể hiện qua “phiên bản” tài chính - tiền tệ. Hơn nữa, trong sự phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô thì phối hợp giữa CSTK và CSTT là quan trọng nhất bởi đây là hai công cụ trọng yếu giữ vai trò quyết định trong việc quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Trong trường hợp suy thoái kinh tế, cần khuyến khích đầu tư, kích thích tăng trưởng, cả CSTK lẫn CSTT cần cùng áp dụng chính sách “nới lỏng”; còn trong trường hợp lạm phát và tăng trưởng nóng cả CSTK lẫn CSTT cần cùng áp dụng chính sách “thắt chặt”. Tuy nhiên, trên thực tế, sự phối hợp để cùng “nới lỏng” hay cùng “thắt chặt” có vẻ không đơn giản và dễ dàng. Điều này có thể thấy trong sự phối hợp giữa 2 chính sách thời gian từ khủng hoảng kinh tế đến bình ổn dưới đây:

- Năm 1997, sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, CSTT và chính sách tài khóa đã được sử dụng để khôi phục đà tăng trưởng kinh tế, hạn chế tình trạng giảm phát thông qua chính sách kích cầu kéo dài từ năm 1997 đến 2003. Kết quả là Việt Nam đạt được mức tăng trưởng ở mức cao (7,7; 8,4; 8,17; 8,5%/năm của các năm 2004, 2005, 2006 và 2007 tương ứng) kèm theo tỷ lệ lạm phát có lúc ở mức 2 con số (giai đoạn 2004 - 2007).

- Từ cuối năm 2007, để ổn định thị trường. Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và các bộ, ngành đã có nhiều biện pháp can thiệp quyết liệt, kịp thời và có hiệu quả, từng bước giải quyết các vấn đề phát sinh. Từ tháng 6/2007 đến tháng 9/2008, NHNN đã thực hiện CSTT thắt chặt để chống lạm phát, nhưng CSTK vẫn duy trì mức bội chi như thường lệ. Khi đó, CSTK mới bắt đầu điều chỉnh theo hướng giảm tỉ lệ thâm hụt xuống dưới 3% GDP, cắt giảm 10% chi thường xuyên....

- Giai đoạn từ 2008 - 2009, khi khủng hoảng lan rộng, tại Việt Nam, lạm phát được đẩy lùi nhưng sản xuất đình trệ. Chính phủ đã sử dụng kế hoạch kích cầu trong CSTK nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh, với gói kích cầu tới 160.000 tỷ đồng (gồm cả 17.000 tỷ đồng hỗ trợ lãi suất) chiếm 10% GDP vào năm 2009. Cùng với đó là

các giải pháp mở rộng chi tiêu và đầu tư, chính sách giảm thuế, giảm thuế đã được đưa ra để kích cầu đầu tư và tiêu dùng. Còn CSTT cũng được chuyển sang nơi lỏng với biện pháp tăng cung tiền, tăng cho vay và giảm lãi suất. Kết quả là tốc độ tăng trưởng tín dụng lên tới mức kỷ lục gần 40% vào năm 2009 và lạm phát tạm thời ở mức 6,9% - tỷ lệ cao nhất trong khu vực vào thời gian đó. Nền kinh tế đã không rơi vào tình trạng đổ vỡ hàng loạt do ảnh hưởng của khủng hoảng.

- Năm 2010, Nghị quyết số 18/NQ-CP 4/2010 xác định cả hai mục tiêu cho năm 2010: kiểm chế mức lạm phát khoảng 7% và theo đuổi mục tiêu tăng trưởng khoảng 6,5%. Trong khi CSTT thất chặt ở thời điểm đầu năm và bắt buộc phải nới lỏng vào giữa năm do yêu cầu phải duy trì tốc độ tăng trưởng. Với các giải pháp nới rộng cung tiền, chỉ trong 6 tháng cuối năm, dư nợ tín dụng đã tăng tới 18% và đưa tổng mức dư nợ tín dụng tăng tới gần 28% so với năm 2009 (vượt 12% so với cam kết). CSTK cũng theo đuổi mục tiêu nới rộng tổng cầu trong suốt năm 2010 nhằm kích thích tăng trưởng. Kết quả là, dù tốc độ tăng trưởng năm 2010 đạt 6,78%, nhưng lạm phát lại tăng tới 11,75% (cao gần gấp 2 lần so với năm 2009).

- Năm 2011, mức mục tiêu kiềm giữ lạm phát được đặt ra ban đầu là dưới 7%, thấp hơn nhiều so với mức lạm phát bình quân của 3 năm liền trước đó. Để đạt được mục tiêu này, Ngân hàng Nhà nước đã buộc phải cắt giảm cung tiền và tăng trưởng tín dụng một cách đột ngột, gây ra những hệ quả không mong muốn như lãi suất cho vay và nợ xấu tăng cao, thanh khoản căng thẳng, thị trường chứng khoán suy kiệt, bất động sản đóng băng. Kết quả, lạm phát năm 2011 tăng vọt lên 18,13%. Bước sang năm 2012, các chỉ tiêu tăng trưởng được đề ra cơ bản đều đạt được và phù hợp với tình hình thực tiễn, đặc biệt lạm phát đã trở lại tăng ở mức một con số đúng như mục tiêu ban đầu nhưng tăng trưởng tín dụng lại không như mong muốn.

- Giai đoạn 2012 -2015, Cùng với việc tạo lập khuôn khổ pháp lý cho cơ chế phối hợp vĩ mô, trên thực tế, CSTK và CSTT cũng từng bước được phối hợp nhịp nhàng. Theo đó, từ đầu năm 2012, trước tình hình tăng trưởng thấp, có dấu hiệu suy giảm kinh tế, hàng tồn kho cao, ngày 03/01/2012 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP

đưa ra các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2012. Các giải pháp chủ yếu của Nghị quyết 01 trong lĩnh vực kinh tế tài chính bao gồm: Tập trung kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Cụ thể là phải thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, linh hoạt; tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, hiệu quả; tăng cường kiểm soát thị trường, giá cả, tổ chức tối thị trường trong nước; khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, hạn chế nhập siêu. Việc thực hiện Nghị quyết số 01/ NQ-CP đã giúp nền kinh tế nước ta đạt được những kết quả tích cực bước đầu (lạm phát kiểm chế ở mức thấp; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; an sinh xã hội được bảo đảm). Tuy nhiên, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn; sức mua của thị trường giảm; nền kinh tế ruy có tăng trưởng nhưng tốc độ tăng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2011. Vì vậy, ngày 10/5/2012, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị quyết số 13 về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, hỗ trợ thị trường. Theo đó, CSTK - CSTT đã được thực hiện theo hướng thận trọng. Kết quả của việc phối hợp này giai đoạn 2011-2015 đã đem lại môi trường kinh tế vĩ mô ổn định hơn, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nền kinh tế bắt đầu có những dấu hiệu phục hồi khả quan hơn.

- Từ năm 2015 đến nay, trong Chỉ thị số 01/CT-NHNN Thống đốc Ngân hàng Nhà nước nêu rõ, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra (bình quân khoảng 4%), ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý (khoảng 6,7%). Tăng cường công tác thanh tra, giám sát trong hoạt động ngân hàng, bảo đảm hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) hoạt động an toàn, lành mạnh. Để thực hiện mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, CSTK năm 2017 được điều chỉnh theo hướng thận trọng, chặt chẽ, tiếp tục tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với CSTK và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm

bảo đảm ổn định các cân đối vĩ mô và kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành linh hoạt các công cụ CSTT nhằm ổn định thị trường tiền tệ, bảo đảm thanh khoản hệ thống, cung ứng vốn có hiệu quả cho nền kinh tế, hỗ trợ ổn định tỷ giá, tạo điều kiện tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế và kiểm soát lạm phát theo mục tiêu. Kết quả này càng có ý nghĩa hơn khi lạm phát trong năm 2017 chỉ 2,6%. Sự hứng khởi đó đã và đang được kỳ vọng tiếp tục lan tỏa sang cả năm 2018.

3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao sự phối hợp nhịp nhàng giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ

Một là tăng cường sự phối hợp giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước.

- Thiết lập mối quan hệ liên thông thường xuyên, liên tục trong quá trình hoạch định và thực thi CSTT và CSTK giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước. Mối liên hệ phải thực hiện thông qua thông tin trao đổi, ý kiến đóng góp hoặc ý kiến tham mưu qua lại để hỗ trợ lẫn nhau trong hoạch định và thực thi rững chính sách. Xây dựng cơ chế cung cấp thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước và các Bộ, ngành khác để có thể dự báo chính xác nhu cầu vốn khả dụng, kiểm soát được lượng tiền cung ứng trong nền kinh tế. Cụ thể như:

+ Ngân hàng Nhà nước phải được cung cấp những thông tin chính xác và kịp thời từ phía Bộ Tài chính về tồn quỹ tiền mặt tại Kho bạc Nhà nước để tính toán lượng tiền cơ sở, số lượng huy động vốn và cho vay của các cơ sở ngoài ngân sách để kiểm soát được tổng phương tiện thanh toán của toàn bộ nền kinh tế. Số liệu thống kê, báo cáo về các vấn đề tài chính công, nhất là kế hoạch về huy động vốn để bù đắp thâm hụt ngân sách nhà nước, biến động tài khoản ngân sách tại Ngân hàng Nhà nước phải được Bộ Tài chính cung cấp kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước.

+ Ngược lại, Ngân hàng Nhà nước phải cung cấp các thông tin về lãi suất, tỷ giá, lạm phát, phát hành tiền và khả năng vốn khả dụng của hệ thống ngân hàng thương mại cho Bộ Tài chính. Sự trao đổi thông tin giữa hai bên phải được thực hiện liên tục, không bị gián đoạn và các bằng báo cáo phải đảm bảo: giống nhau về thời gian báo cáo, về độ chính xác và đầy đủ, kịp thời của các số liệu, phải

thống nhất về biểu mẫu thống kê giữa Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính. Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính cần phối hợp chặt chẽ hơn trong việc xây dựng và thực thi CSTK và CSTT hàng năm trên cơ sở mục tiêu về lạm phát, GDP và dự báo cân cân thanh toán.

Hai là các biện pháp khác có thể sử dụng.

- Ngân hàng Nhà nước cần tiếp tục kết hợp hài hòa, linh hoạt giữa điều hành tỷ giá và lãi suất, sử dụng thích hợp các công cụ dự trữ bắt buộc, tín phiếu, thị trường mở... trong từng giai đoạn cụ thể, tăng cường phối hợp giữa các CSTT và CSTK.

- Cải cách cơ chế cấp phát ngân sách và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu, có biện pháp giảm thất thoát trong chi tiêu đối với các dự án và công trình lớn nhưng không hiệu quả, đảm bảo yêu cầu kiểm soát chi tiêu hiệu quả hơn là chỉ nhằm mục tiêu kiểm soát việc chấp hành chế độ. Rà soát lại hệ thống DNNN, xử lý kiên quyết các DN làm ăn thua lỗ. Cần tính đến ảnh hưởng tiêu cực của chính sách vay nợ nước ngoài liên quan đến tỉ giá, hoạt động xuất khẩu và cân cán thương mại, không để ảnh hưởng xấu đến cân cân vãng lai và cân cân thanh toán.

- Một số vấn đề khác cần lưu ý nữa đó là, để giảm thất thoát, lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công. Chính phủ cần tập trung điều chỉnh, ưu tiên cho các dự án trong nước, cơ cấu lại chương trình đầu tư công theo hướng giảm tiến độ các dự án sử dụng nhiều vốn, ưu tiên các dự án sử dụng nhiều lao động, ít nhập khẩu, khuyến khích sản xuất trong nước, xuất khẩu. Đầu tư công của Chính phủ cần được cơ quan có thẩm quyền rà soát một cách thận trọng, cần được thẩm định bởi cơ quan thẩm định đầu tư độc lập thuộc Chính phủ và công khai tới người dân để đảm bảo tính hiệu quả, khả thi của dự án. Cơ cấu lại đầu tư công theo hướng nâng tỷ lệ đầu tư nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ; thiết lập cơ chế hợp tác "công - tư" trong đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật theo cơ chế thị trường.

4. Kết luận

Thực trạng CSTT và CSTK thời gian qua cho thấy, mặc dù hai chính sách này đã được tận dụng tối đa và phối hợp khá chặt chẽ, nhưng giới hạn chính sách đang cản trở những tác động tích cực và làm nảy sinh nhiều hệ lụy cho thời gian tới.

Điều này cũng do CSTT linh hoạt hơn so với CSTK, việc thay đổi lượng tiền cung ứng sẽ làm thay đổi mức lãi suất và Ngân hàng Nhà nước có thể tác động đến đầu tư, xuất khẩu ròng và tiêu dùng trong ngắn hạn. Trong đó, Ngân hàng Nhà nước có thể sử dụng CSTT để điều chỉnh mức lạm

phát, gây tác động lên năng suất lao động và tăng trưởng GDP tiềm năng trong dài hạn. Tuy nhiên, rất khó thay đổi CSTK do Chính phủ lập kế hoạch chi tiêu, thuế và thâm hụt ngân sách, kế hoạch ngân sách hàng năm do Quốc hội thông qua, điều này tạo ra sự lệch pha so với CSTT ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lê Thị Thùy Vân (2013), "Phối hợp chính sách tài khóa và tiền tệ: Các vấn đề từ lý luận đến thực tiễn ở một số nước và hàm ý chính sách cho Việt Nam", *Tạp chí Tài chính số tháng 3/2013*.
2. Võ Trí Thành (2012), "Chính sách kinh tế vĩ mô và sự phối hợp: Những vấn đề cơ bản", *Hội thảo Phối hợp chính sách vĩ mô, Viện CL&CSTC (2013)*.
3. "Vấn đề phối hợp chính sách tài chính với các chính sách kinh tế trong điều kiện vĩ mô giai đoạn 2011-2015", *Đề tài nghiên cứu cấp Bộ năm 2011-2012*.

Ngày nhận bài: 17/1/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 27/1/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 7/2/2019

Thông tin tác giả:

ThS. LÊ THỊ VÂN ANH

Khoa Kinh tế cơ sở - Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp

THE COORDINATION BETWEEN MONETARY POLICY AND FISCAL POLICY IN ORDER TO PROMOTE THE GROWTH AND DEVELOPMENT

● MA. LE THI VAN ANH

Faculty of Fundamental Economics,
University of Economic and Technical Industries

ABSTRACT:

The monetary policy and fiscal policy are two key parts of the system of macro policy. It is necessary to using these two kinds of policy smoothly and synchronously in order to promote the economic growth and the stable and sustainable development of a country. This article is to present the need of coordinating the monetary policy and the fiscal policy. The article also presents the coordination of the monetary policy and the fiscal policy in Vietnam through development periods and proposes solutions to improve the effectiveness of these two kinds of policy to regulate the macro economy.

Keywords: Financial control, monetary policy, fiscal policy, macroeconomics.